

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục THCS năm học 2025-2026
trường TH&THCS Trần Văn ƠN**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TH&THCS TRẦN VĂN ƠN

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 647/SGDDT-GDTH ngày 31/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2025-2026; Kế hoạch số 38 /KH-UBND ngày 03 /9/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026.

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn của trường TH&THCS Trần Văn ƠN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch giáo dục Tiểu học, THCS năm học 2025 - 2026 của trường TH&THCS Trần Văn ƠN.

(Có Kế hoạch nhà trường, kế hoạch cụ thể từng môn và bảng tổng hợp kèm theo)

Điều 2. Kế hoạch giáo dục THCS năm học 2025 - 2026 làm căn cứ để triển khai thực hiện chương trình dạy học và các hoạt động giáo dục và là cơ sở để tổ chức kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Các bộ phận chuyên môn, tổ, nhóm chuyên môn và cán bộ viên chức trường TH&THCS Trần Văn ƠN căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH phường (B/c);
- Như Điều 3;
- Lưu VT, HSKĐ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

**Hiệu trưởng
trường TH&THCS Trần Văn ƠN**

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔNG THỂ CÁC MÔN HỌC NĂM HỌC 2025 - 2026
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-TVO ngày /9/2025 của trường TH&THCS Trần Văn Ôn)

TT	Môn học	Số tiết học từng môn của lớp 6			Số tiết học từng môn của lớp 7			Số tiết học từng môn của lớp 8			Số tiết học từng môn của lớp 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	KHXH (Lịch Sử)	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
	KHXH (Địa Lý)												
	KHXH (tích hợp sử địa)												
3	Ngoại ngữ	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	KHTN (Vật lý)	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
	KHTN (Hóa học)												
	KHTN (Sinh học)												
	KHTN (tích hợp) Lý, hóa, sinh												
6	GD công dân	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	34	18	52

8	Nghệ thuật (Âm nhạc)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Nghệ thuật (tích hợp) (ÂN, MT)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
9	Giáo dục thể chất	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
11	Giáo dục địa phương	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (trên lớp)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	5	4	9
	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (Chào cờ)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (Sinh hoạt lớp)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Tổng số tiết		522	493	1015	552	493	991	522	510	1032	544	514	1058
Số tiết/tuần (cả năm học)		1015/ 35 tuần = 29 tiết			1015/ 35 tuần = 29 tiết			1032/ 35 tuần = 29.5 tiết			1032/ 35 tuần = 29.5 tiết		

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC

LỚP 1

TT	Hoạt động giáo dục	Bộ sách	Số tiết lớp 1		
			Tổng	HK I	HKII
1. Môn học bắt buộc					
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	422	252	170
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	105	54	51
3	Đạo đức	Chân trời sáng tạo	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	Chân trời sáng tạo	70	36	34
5	Giáo dục thể chất	Chân trời sáng tạo	70	36	34
6	Mỹ thuật	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	35	18	17
	Âm nhạc	Cùng học để phát triển năng lực	35	18	17
7	Hoạt động trải nghiệm	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục bộ B	105	54	51
8	Tăng cường Tiếng Việt		140	72	68
9	Tăng cường Toán		35	18	17

LỚP 2

TT	Hoạt động giáo dục	Bộ sách	Số tiết lớp 2		
			Tổng	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc					
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức và sáng tạo	350	180	170
2	Toán	Kết nối tri thức và sáng tạo			

			175	90	85
3	Hoạt động trải nghiệm	Chân trời sáng tạo	175	90	85
4	Đạo đức	Chân trời sáng tạo	35	18	17
5	Tự nhiên và xã hội	Chân trời sáng tạo	70	36	34
6	Giáo dục thể chất	Chân trời sáng tạo	70	36	34
7	Mỹ thuật	Chân trời sáng tạo	35	18	17
8	Âm nhạc	Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống	35	18	17
2. Hoạt động củng cố, tăng cường					
1	Tăng cường Tiếng Việt		70	36	34
2	Tăng cường Toán		35	18	17

LỚP 3

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết		
		Tổng	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc				
1	Tiếng Việt	245	126	119
2	Toán	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	70	36	34

5	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51
6	Công nghệ	35	18	17
7	Âm nhạc	35	18	17
8	Mĩ Thuật	35	18	17
9	Thể dục	70	36	34
10	Tăng cường Tiếng Việt	70	36	34
11	Tăng cường Toán	35	18	17

LỚP 4

TT	Hoạt động giáo dục	Bộ sách	Tổng số tiết	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc					
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	245	126	119
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	175	90	85
3	Đạo đức	Chân trời sáng tạo	35	18	17
4	Lịch sử và Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	70	36	34
5	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	70	36	34
6	Tin học và Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	70	36	34
7	Giáo dục Thể chất	Chân trời sáng tạo	70	36	34
8	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	35	18	17
9	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo	35	18	17
10	Hoạt động trải nghiệm	Chân trời sáng tạo	105	54	51
11	Tiếng Anh		140	72	68
2. Hoạt động tăng cường, củng cố					
1	Tăng cường Tiếng Việt	—	70	36	34
2	Tăng cường Toán	—	35	18	17

LỚP 5

TT	Hoạt động giáo dục	Bộ sách	Tổng số tiết	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc					
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	245	126	119
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	175	90	85
3	Đạo đức	Chân trời sáng tạo	35	18	17
4	Lịch sử và Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	70	36	34
5	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	70	36	34
6	Tin học và Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	70	36	34
7	Giáo dục Thể chất	Chân trời sáng tạo	70	36	34
8	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	35	18	17
9	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo	35	18	17
10	Hoạt động trải nghiệm	Chân trời sáng tạo	105	54	51
11	Tiếng Anh		140	72	68
2. Hoạt động tăng cường, củng cố					
1	Tăng cường Tiếng Việt	—	0	0	0
2	Tăng cường Toán	—	0	0	0